

Số: 03/QĐ-VKSTC-V15

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 951/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 522e/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổng biên chế và số lượng Kiểm sát viên, Điều tra viên của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 953/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

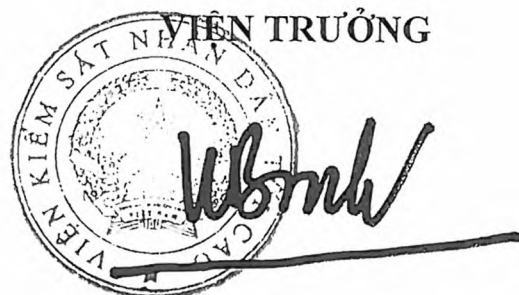
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *gnt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban tư pháp của Quốc hội;
- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Đảng ủy VKSNDTC;
- Website VKSNDTC;
- Lưu: VT, V15.



Nguyễn Hòa Bình

QUY ĐỊNH

**Cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý
và công chức, viên chức của Viện kiểm sát nhân dân các cấp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC-V15

ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ cấu bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh), Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Nguyên tắc

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc, cơ cấu lãnh đạo, quản lý tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc, lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức của các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Vụ trưởng, không quá 03 Phó Vụ trưởng và tương đương; có công chức chuyên môn nghiệp vụ, có thể có Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch và tương đương, công chức, viên chức khác theo quy định.

2. Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có phòng Tham mưu tổng hợp, phòng nghiệp vụ và tương đương. Cơ cấu phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, cụ thể như sau:

a) Phòng có đủ 03 biên chế được cơ cấu Trưởng phòng;

b) Phòng có từ 04 đến 09 biên chế được cơ cấu Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng;

c) Phòng có từ 10 biên chế trở lên được cơ cấu Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.

3. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh do 01 Phó Chánh Văn phòng làm Trưởng đại diện.

4. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Văn phòng đại diện tại Miền trung Tây nguyên và Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi Văn phòng do một Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra làm đại diện.

5. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và Trường Đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh có Hiệu trưởng và không quá 03 Phó Hiệu trưởng; có giảng viên và viên chức khác. Cơ cấu của mỗi phòng, khoa chuyên môn và tương đương thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị.

6. Tạp chí Kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật có Tổng Biên tập và không quá 03 Phó Tổng biên tập; có viên chức làm nghiệp vụ báo chí, chuyên môn nghiệp vụ khác. Cơ cấu phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc, lãnh đạo, quản lý và công chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Ủy ban kiểm sát, Văn phòng và các Viện nghiệp vụ, các phòng thuộc Văn phòng và Viện nghiệp vụ. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát của mỗi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không quá 09 người.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Viện trưởng, không quá 04 Phó Viện trưởng; có Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch và tương đương, công chức khác theo quy định.

3. Văn phòng, Viện nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có cấp trưởng, cấp phó không quá 03 người; cơ cấu các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng, Viện nghiệp vụ được thực hiện theo Quyết định về thành lập bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng thực hiện theo Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc, lãnh đạo, quản lý và công chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Ủy ban kiểm sát, Văn phòng, các phòng nghiệp vụ và tương đương.

2. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh không quá 09 người. Đối với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi đơn vị có số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát không quá 13 người.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, có Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch và tương đương, công chức khác theo quy định, cụ thể như sau:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có đến 60 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng; có không quá 11 phòng và tương đương; cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Văn phòng tổng hợp có Chánh Văn phòng, không quá 02 Phó Chánh Văn phòng, các công chức, trong đó có 04 tổng hợp, thi đua, 02 Kế toán, 01 Thủ quỹ, 01 Văn thư kiêm đánh máy, 01 Cơ yếu kiêm lưu trữ.

b) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có từ 61 đến 85 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng; có không quá 12 phòng và tương đương; cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Văn phòng tổng hợp có Chánh Văn phòng, không quá 02 Phó Chánh Văn phòng, các công chức, trong đó có 04 tổng hợp, thi đua, 02 Kế toán, 01 Thủ quỹ, 02 Văn thư kiêm đánh máy, 01 Cơ yếu kiêm lưu trữ.

c) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có từ 86 biên chế trở lên được cơ cấu Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng; có không quá 13 phòng và tương đương; cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

Văn phòng tổng hợp có Chánh Văn phòng, không quá 02 Phó Chánh Văn phòng, các ngạch công chức, trong đó có 04 tổng hợp, thi đua, 03 Kế toán, 01 Thủ quỹ, 02 Văn thư kiêm đánh máy, 01 Cơ yếu, 01 Lưu trữ.

d) Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được cơ cấu Viện trưởng và không quá 04 Phó Viện trưởng; có không quá 15 phòng và tương đương; cơ cấu lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này. Đối với phòng có từ 19 biên chế trở lên có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

Văn phòng tổng hợp có Chánh Văn phòng, không quá 03 Phó Chánh Văn phòng, các ngạch công chức, trong đó có 05 tổng hợp, thi đua, 02 Văn thư, 02 Đánh máy, 01 Cơ yếu, 01 Lưu trữ.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc, lãnh đạo, quản lý và công chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có 03 bộ phận, cụ thể như sau:

a) Bộ phận Văn phòng tổng hợp, thống kê tội phạm và kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;

b) Bộ phận Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và kiểm sát thi hành án hình sự;

c) Bộ phận Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát thi hành án dân sự, án hành chính.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có đến 09 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và 01 Phó Viện trưởng; có công chức chuyên môn nghiệp vụ, có Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch theo quy định; có 01 công chức làm nhiệm vụ kế toán kiêm văn thư, lưu trữ và các nhiệm vụ khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phân công.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có từ 10 đến 20 biên chế được cơ cấu Viện trưởng và không quá 02 Phó Viện trưởng; có công chức chuyên môn nghiệp vụ, có Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch theo quy định; có 01 công chức làm nhiệm vụ kế toán kiêm văn thư, lưu trữ và các nhiệm vụ khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phân công.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có từ 21 biên chế trở lên được cơ cấu Viện trưởng và không quá 03 Phó Viện trưởng; có công chức chuyên môn nghiệp vụ, có Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên các ngạch theo quy định; có 01 công chức làm kế toán, 01 đánh máy kiêm văn thư, lưu trữ.

5. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có từ 25 biên chế trở lên và có số lượng án hình sự khởi tố mới bình quân 3 năm gần nhất từ 300 vụ/năm trở lên hoặc thụ lý, giải quyết số lượng vụ, việc dân sự, vụ án hành chính từ 1.500 vụ/năm trở lên được thành lập không quá 03 phòng, gồm:

a) Văn phòng tổng hợp, thống kê tội phạm và kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;

b) Phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và kiểm sát thi hành án hình sự;

c) Phòng Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát thi hành án dân sự, án hành chính.

Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chưa đủ các điều kiện trên, nhưng xét thấy cần thiết Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định việc thành lập phòng ở Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý phòng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

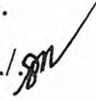
Điều 7. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ. 

VIỆN TRƯỞNG

* Nguyễn Hòa Bình